

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ
VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 354 /CV.VTS

Vũng tàu, ngày 28 tháng 06 năm 2023

V/v Niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu
hàng hải.

Kính gửi: Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý.

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng tàu đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (đính kèm bảng niêm yết giá):

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
- Địa chỉ giao dịch: số 01 Thống Nhất, P1, TP.Vũng Tàu.
- Số điện thoại liên lạc: 0254.3852185 Số fax: 0254.3858919
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị: www.vungtauship.com
- Địa chỉ email: vts@vungtauship.com

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/07/2023.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Lưu: VT, TC-KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Cẩm

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 6 năm 2023

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Công văn số 354 /CV.VTS ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu)

STT	Tên dịch vụ cung ứng	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 10%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa					
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí. Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 2.160.000đồng/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	38,50	37,80	(0,0182)
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 540.000đồng/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/ GT/HL	44	43,20	(0,0182)
1.3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 324.000đồng/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT	66,00	64,80	(0,0182)
1.4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN:	Đồng/ GT/HL	27,5	27	(0,0182)

	vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên. Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 324.000đồng/lượt dẫn tàu.	HT 3804/2.22.31				
1.5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền ngoài quy định tại 1.1, 1.2, 1.3, 1.4. Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 540.000đồng/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/ GT/HL	27,5	27	(0,0182)
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế					
2.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển giữa các cảng dầu khí; Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 216 USD/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT	0,033	0,0324	(0,0182)
2.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/1 lượt dẫn tàu	44	43.20	(0,0182)
2.3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 108 USD/lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT	0,0165	0,0162	(0,0182)
2.4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với một lượt dẫn tàu thuyền chở container xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có dung tích từ 50.000GT trở lên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau: - Dưới 10 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu - Từ 10 hải lý đến 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	0,00187	0,00184	(0,016)
				0,00121	0,00119	(0,0165)

	- Trên 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu			0,000825	0,00081	(0,0182)
2.5	<p>Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:</p> <p>- Dưới 10 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu</p> <p>- Từ 10 hải lý đến 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu</p> <p>- Trên 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324USD/lượt dẫn tàu</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	0,00374	0,00367	(0,0187)
				0,00242	0,00238	(0,0165)
				0,00165	0,00162	(0,0182)

1. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai, niêm yết giá.

Từ ngày 01/01/2019, Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV ngày 24/6/2023 về việc giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) theo Nghị quyết 43/2022 áp dụng từ ngày 01/7/2023 cho đến hết 31/12/2023, Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thực hiện niêm yết giá không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ, Công ty thực hiện niêm yết lại giá dịch vụ hoa tiêu do thuế suất thuế giá trị gia tăng thay đổi từ 10% thành 8% áp dụng từ ngày 01/7/2023.

2. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

Mức giá niêm yết mới thực hiện từ ngày 01/7/2023 nằm trong khung giá quy định tại Thông tư 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 14/11/2018. Các quy định cụ thể được áp dụng theo Khoản 2 Điều 8 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

2.1 Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng

kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các két nước dẫn phân ly.

2.2 Đối với tàu thuyền chở khách, tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

2.3 Các quy định cụ thể được áp dụng theo Khoản 2 Điều 8 và Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

2.3.1 Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 21.600 đồng/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 216.000 đồng/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó trong Biểu giá niêm yết này;

c) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong Biểu giá niêm yết này;

d) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, trường hợp thuyền trưởng yêu cầu hoa tiêu ở lại trên tàu thì tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

e) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì giá dịch vụ hoa tiêu áp dụng bằng 110% mức giá trong Biểu giá niêm yết này;

f) Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, giá dịch vụ hoa tiêu áp dụng bằng 80% mức giá trong Biểu giá niêm yết này;

g) Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng tại 01 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi giá dịch vụ hoa tiêu áp dụng bằng 50% mức giá trong Biểu giá quy định tại Điều 8 đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo Biểu giá niêm yết này;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đón trả hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đưa đón hoa tiêu không vượt quá 324.000 đồng/tàu/lượt;

i) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực thì tổ chức hoa tiêu thu giá dịch vụ hoa tiêu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu theo Biểu giá niêm yết này.

2.3.2 Đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 10.8 USD/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 21.6 USD/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Biểu giá niêm yết này;

c) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

d) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu bằng 110% mức giá quy định tại Biểu giá niêm yết này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

đ) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu bằng 150% mức giá quy định tại Biểu giá niêm yết này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

e) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản này) thì áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu bằng 110% mức giá quy định tại Biểu giá niêm yết này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

g) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng 324 USD/tàu/lượt dẫn;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 32.4

USD/tàu/lượt dẫn;

i) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, giá áp dụng bằng 80% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Biểu giá niêm yết này nhưng không thấp hơn 324 USD;

k) Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, giá áp dụng bằng 50% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Biểu giá niêm yết này nhưng không thấp hơn 324 USD;

l) Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, giá áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Biểu giá niêm yết này nhưng không thấp hơn 324 USD;

m) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa.

n) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, giá áp dụng bằng 70% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Biểu giá niêm yết này.

3. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 0%

Trường hợp khách hàng là tổ chức, các nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 0% thì điều kiện áp dụng theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

“Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;

- Có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của người đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ hoặc các hình thức thanh toán khác được coi là thanh toán qua ngân hàng”.

4. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 8%

Trường hợp khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 8% khi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

Tỷ giá (VND/USD) áp dụng là tỷ giá mua vào chuyển khoản công bố tại Ngân hàng đơn vị kê khai giá mở tài khoản tại thời điểm đơn vị phát hành hóa đơn.

Mức giá niêm yết này thực hiện từ ngày 01/07/2023.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu cam kết về việc các dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về kinh doanh dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật giá số 11/2012/QH13.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Cẩm

